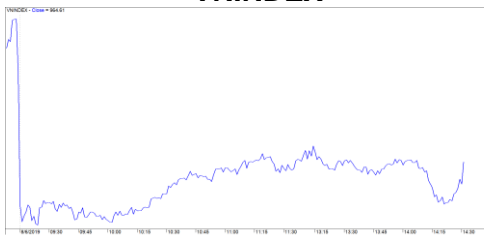


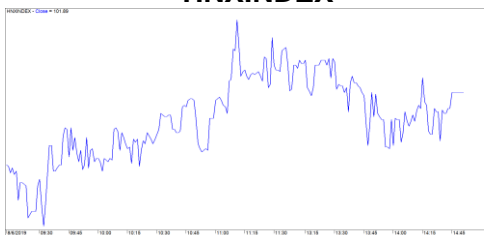
Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	964.61	101.89	58.31
% ngày	-0.88%	-0.99%	-0.11%
% tuần	-2.48%	-2.26%	-1.37%
% tháng	-0.22%	-1.41%	3.53%
% năm	1.41%	-3.13%	15.29%
GTGD (Tỷ VND)			
Trong ngày	4,973	456	481
TB 1 tuần	4,631	415	424
TB 1 tháng	3,931	411	364
Khối ngoại (Tỷ VND)			
Mua	1,294.85	8.69	88.74
Bán	1,537.88	35.42	107.66
Giá trị ròng	-243.03	-26.74	-18.92
Độ rộng TT			
Mã Tăng	97	59	210
Mã Giảm	196	87	108
Không Đổi	95	221	575
Chỉ số chính			
P/E	16.67	9.27	19.56
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	3,351	189	1,026
LS Cổ tức	1.52%	2.91%	6.07%

Nguồn: Bloomberg – YSVN

VNINDEX



HNIINDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Thị trường tiếp tục có phiên thứ 2 giảm điểm liên tiếp nhưng mức độ biên động đã giảm bớt khi VN-Index đóng cửa chỉ còn giảm 0.88% dừng tại 964.61 điểm trong khi chỉ số HNX-Index giảm 0.99% dừng tại 101.89 điểm, chỉ số Upcom-Index giảm nhẹ 0.11% neo tại 58.31 điểm. Giá trị giao dịch duy trì ở mức cao khi đạt mức 4,600 tỷ đồng. Độ rộng thị trường vẫn còn tiêu cực với số mã giảm lấn áp mã tăng.

Các chỉ số duy trì quán tính giảm ngay từ đầu phiên nhưng lực cầu đỡ giá xuất hiện tại ngưỡng 960 điểm giúp VN-Index hồi phục trở lại. VIC(+1.5%), PNJ(+3.8%), EIB(+0.8%), MWG(+0.5%), ROS(+1.4%), GMD(+2.1%) là các mã tăng điểm trong VN30-Index trong đó PNJ gây chú ý khi tăng 3.8% đóng cửa tại 83,800 đồng/cp với thanh khoản hơn 1,4 triệu cổ phiếu. Tuy nhiên, tâm điểm là nhóm cổ phiếu Bất động sản KCN với KBC(+6.7%), ITA(+6.9%), SZC(+1.9%), D2D(+5.4%). Nhiều mã Bất động sản cũng giao dịch tích cực như HDC(+3%), IJC(+4.9%), LHG(+2.1%), TDC(+6.9%). Trong khi đó, nhóm cổ phiếu họ Viettel có dấu hiệu chững lại với CTR, VGI, VTP rung lắc mạnh trong phiên.

Khối ngoại có phiên bán ròng thứ 4 liên tiếp với giá trị hơn 288 tỷ đồng trên cả ba sàn. Trong đó, HPG(59 tỷ), MSN(46 tỷ), VJC(40 tỷ) là các mã bị bán ròng nhiều nhất. Ở chiều ngược lại, TDM(34 tỷ), BID(17 tỷ) được mua ròng tích cực nhất.

QUAN ĐIỂM THỊ TRƯỜNG NGẮN HẠN

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ xuất hiện nhịp hồi phục kỹ thuật, chỉ Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ hồi phục trong phiên kế tiếp và chỉ số VN-Index có thể sẽ kiểm định lại mức 970 điểm trong 1 – 2 phiên tới. Tuy nhiên, chúng tôi đánh giá đây chỉ là nhịp hồi phục kỹ thuật khi rủi ro ngắn hạn vẫn còn cao và nhóm cổ phiếu Largecaps vẫn chưa có dấu hiệu đảo chiều ngắn hạn. Đồng thời, tâm lý nhà đầu tư ngắn hạn tiếp tục bi quan và tỷ trọng cổ phiếu vẫn không thay đổi cho thấy chiến lược ngắn hạn vẫn là hạn chế giao dịch và duy trì tỷ trọng cổ phiếu ở mức hiện tại.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức GIẢM xu hướng ngắn hạn trên các chỉ số chính với mức kháng cự ở mức 983.06 điểm của chỉ số VN-Index và 105.62 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn có thể chú ý vào xu hướng ở từng cổ phiếu khi thị trường đang có sự phân hóa, các nhà đầu tư ngắn hạn nên tập trung vào các cổ phiếu có câu chuyện hỗ trợ hoặc hạn chế giao dịch trong giai đoạn này.

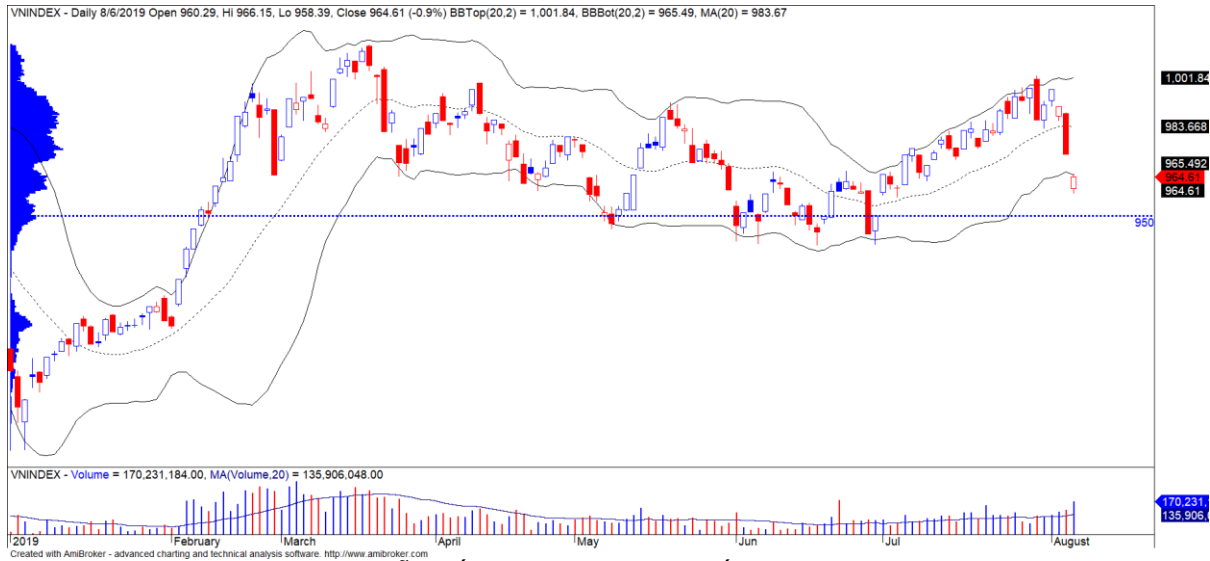
Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 37% cổ phiếu/63% tiền.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).



We Create Fortune

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

Chỉ số	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	GIẢM	TĂNG	1,000	1,025	965	953
Chỉ số HNX-Index	GIẢM	GIẢM	108	110	105	101
Chỉ số VN30	GIẢM	TĂNG	895	935	877	863
Chỉ số VNMidcaps	TĂNG	TĂNG	992	1,030	969	963
Chỉ số VNSmallcaps	GIẢM	TĂNG	835	845	822	804



We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	17.40	GIẢM	TĂNG		18.47			16.85	17.01	3.26%	
ACB	21.70	GIẢM	GIẢM		23.17				24.18		
ACV	84.00	GIẢM	TĂNG		85.28			90.00	81.77	-6.67%	
ANV	24.20	GIẢM	GIẢM		27.01				30.40		
ASM	6.34	GIẢM	GIẢM		6.42				7.60		
BFC	15.00	GIẢM	GIẢM		16.81				19.43		
BID	35.20	TĂNG	TĂNG	32.65	34.17	7.81%		33.40	31.60	5.39%	
BMP	47.40	GIẢM	TĂNG		50.67			48.30	44.48	-1.86%	
BSR	10.00	GIẢM	GIẢM		11.27				12.90		
BVH	77.00	GIẢM	TĂNG		84.02			85.40	76.69	-9.84%	
BWE	25.65	GIẢM	TĂNG		27.20			20.00	25.45	28.25%	
CEO	10.10	GIẢM	GIẢM		10.76				11.33		
CII	21.50	GIẢM	GIẢM		22.37				23.79		
CMG	36.95	GIẢM	TĂNG		39.99			23.20	34.35	59.27%	
CMX	30.70	TĂNG	TĂNG	23.75	27.87	29.26%		5.91	21.62	419.46%	
CSM	14.60	GIẢM	TĂNG		15.06			14.39	14.22	1.46%	
CTD	113.00	TĂNG	TĂNG	102.00	107.83	10.78%		112.70	97.13	0.27%	
CTG	20.20	GIẢM	GIẢM		21.12				22.80		
CTI	23.10	GIẢM	GIẢM		23.32				24.73		
CTR	55.00	TĂNG	N/A	28.80	49.24	90.97%		-	N/A		
CVT	19.10	GIẢM	TĂNG		20.21			20.35	18.32	-6.14%	
DCM	8.06	GIẢM	GIẢM		8.34				8.53		
DGC	30.80	TĂNG	TĂNG	31.30	30.78	-1.60%		31.90	27.35	-3.45%	
DGW	21.70	GIẢM	TĂNG		23.34			23.50	21.23	-7.66%	
DHA	36.45	TĂNG	TĂNG	32.25	34.92	13.02%		29.10	32.95	25.26%	
DHC	34.90	TĂNG	TĂNG	36.00	34.32	-3.06%		35.20	33.00	-0.85%	
DHG	95.10	GIẢM	GIẢM		99.95				113.13		
DIG	12.55	GIẢM	GIẢM		13.76				14.54		
DPG	47.20	TĂNG	TĂNG	39.40	44.32	19.80%		40.02	34.78	17.95%	
DPM	13.65	GIẢM	GIẢM		14.41				16.72		
DPR	46.20	TĂNG	TĂNG	45.50	43.85	1.54%		42.50	40.21	8.71%	
DQC	17.70	GIẢM	GIẢM		19.16				20.27		
DRC	19.20	GIẢM	GIẢM		19.94				20.88		
DXG	16.05	GIẢM	GIẢM		18.22				20.75		
EIB	17.95	GIẢM	TĂNG		18.50			14.70	16.88	22.11%	

We Create Fortune

FCN	13.05	GIẢM	GIẢM		13.80			16.05	13.18	-17.87%	
FMC	29.60	TĂNG	GIẢM	28.95	29.48	2.25%			30.62		
FPT	48.95	TĂNG	TĂNG	45.20	47.80	8.30%		46.00	45.47	6.41%	
GAS	102.00	GIẢM	GIẢM		109.60				113.06		
GEX	23.00	TĂNG	GIẢM	22.20	22.19	3.60%			23.15		
GIL	24.40	GIẢM	GIẢM		25.73				29.00		
GMD	26.55	TĂNG	GIẢM	26.55	26.51	0.00%	MUA		27.99		
GTN	19.00	TĂNG	TĂNG	18.80	18.00	1.06%		15.00	16.37	26.67%	
GVR	16.80	TĂNG	N/A	13.50	14.59	24.44%			N/A		
HAG	5.02	GIẢM	GIẢM		5.14				5.62		
HAX	19.20	GIẢM	TĂNG		19.37			15.75	17.24	21.90%	
HBC	13.80	TĂNG	GIẢM	14.25	13.21	-3.16%			16.53		
HCM	20.00	GIẢM	GIẢM		21.82				25.61		
HDB	25.00	GIẢM	GIẢM		26.54				28.56		
HDC	17.40	TĂNG	TĂNG	15.25	15.74	14.10%		15.25	13.82	14.10%	
HDG	36.60	TĂNG	TĂNG	32.70	35.12	11.93%		35.30	31.88	3.68%	
HNG	18.25	GIẢM	TĂNG		18.31			17.10	16.59	6.73%	
HPG	21.75	GIẢM	GIẢM		23.10				23.96		
HSG	6.92	GIẢM	GIẢM		7.45			9.30	7.01	-24.57%	
HT1	15.10	GIẢM	GIẢM		16.15			14.80	15.47	4.49%	
HUT	2.20	GIẢM	GIẢM		2.50				3.07		
HVN	38.80	GIẢM	TĂNG		41.64			39.00	38.75	-0.51%	
KBC	16.00	TĂNG	TĂNG	16.00	15.32	0.00%	MUA	15.35	14.17	4.23%	
KDH	22.50	TĂNG	GIẢM	22.90	21.97	-1.75%			23.94		
KSB	23.70	TĂNG	GIẢM	22.95	22.45	3.27%			24.84		
LCG	9.76	GIẢM	GIẢM		10.39				11.44		
LDG	7.90	TĂNG	GIẢM	8.18	7.63	-3.42%			9.54		
LHG	19.10	TĂNG	TĂNG	18.70	17.58	2.14%		19.30	17.32	-1.04%	
LPB	7.90	GIẢM	GIẢM		8.42				8.51		
LSS	5.29	TĂNG	GIẢM	5.39	5.01	-1.86%			5.84		
MBB	21.35	GIẢM	TĂNG		22.56			21.85	20.88	-2.29%	
MPC	37.00	TĂNG	GIẢM	35.70	34.99	3.64%			40.20		
MSN	75.00	GIẢM	GIẢM		81.03				86.73		
MSR	16.80	GIẢM	GIẢM		17.55				20.63		
MWG	110.00	TĂNG	TĂNG	110.00	109.96	0.00%	MUA	88.70	99.40	24.01%	
NDN	18.30	TĂNG	TĂNG	14.10	16.67	29.79%		13.70	14.96	33.58%	
NKG	6.11	GIẢM	GIẢM		6.31				7.00		
NLG	30.40	TĂNG	TĂNG	29.90	29.85	1.67%		28.70	27.83	5.92%	
NT2	24.45	GIẢM	GIẢM		25.65				27.88		

We Create Fortune

NTL	25.80	TĂNG	TĂNG	22.95	24.71	12.42%		10.45	22.13	146.89%	
NVL	58.90	GIẢM	GIẢM		60.25				62.33		
OIL	11.00	GIẢM	GIẢM		11.52				12.65		
PAC	29.50	GIẢM	GIẢM		32.50				36.90		
PC1	16.20	GIẢM	GIẢM		17.45				19.79		
PDR	26.50	TĂNG	TĂNG	24.10	26.44	9.96%		29.00	24.63	-8.62%	
PHR	75.30	TĂNG	TĂNG	61.20	69.86	23.04%		24.00	59.28	213.75%	
PLX	61.30	GIẢM	TĂNG		66.21			62.40	59.59	-1.76%	
PNJ	83.80	TĂNG	TĂNG	77.00	77.44	8.83%		104.00	72.08	-19.42%	
POW	13.45	GIẢM	GIẢM		14.53			15.70	13.92	-11.37%	
PVT	17.45	TĂNG	GIẢM	17.45	17.31	0.00%		18.30	17.62	-3.74%	MUA
PPC	24.80	GIẢM	GIẢM		26.80				31.62		
PTB	68.00	GIẢM	TĂNG		68.09			64.00	64.57	6.25%	
PVB	21.40	TĂNG	TĂNG	20.20	20.11	5.94%		20.10	17.72	6.47%	
PVD	15.50	GIẢM	GIẢM		16.91			18.50	16.14	-12.73%	
PVI	36.30	GIẢM	GIẢM		37.35				39.70		
PVS	20.20	GIẢM	GIẢM		22.27			21.10	21.47	1.74%	
PXS	6.00	TĂNG	TĂNG	5.70	5.61	5.26%		4.85	4.61	23.71%	
QNS	30.20	GIẢM	TĂNG		31.65			33.80	28.02	-10.65%	
REE	32.05	GIẢM	TĂNG		33.82			33.33	31.19	-3.83%	
SAB	279.20	GIẢM	TĂNG		289.12			245.00	259.03	13.96%	
SAM	8.00	GIẢM	TĂNG		8.28			7.40	7.69	8.11%	
SCR	6.70	GIẢM	GIẢM		7.02				7.54		
SHI	8.75	TĂNG	TĂNG	8.39	8.03	4.29%		6.99	7.47	25.18%	
SJS	17.10	GIẢM	GIẢM		17.86			-	19.93		
SKG	11.50	GIẢM	GIẢM		11.79				12.61		
SSI	21.65	GIẢM	GIẢM		23.62				26.85		
STB	10.45	GIẢM	GIẢM		10.95				12.32		
TCB	20.25	GIẢM	GIẢM		21.04				22.88		
TCM	25.90	TĂNG	GIẢM	26.30	25.15	-1.52%			29.84		
TDH	9.04	GIẢM	GIẢM		9.51			11.65	9.17	-21.29%	
TLH	4.60	TĂNG	GIẢM	4.75	4.49	-3.16%		5.85	4.80	-18.00%	BÁN
TNG	19.00	GIẢM	TĂNG		20.14			12.00	18.79	58.33%	
VCB	76.30	GIẢM	TĂNG		81.85			62.00	71.23	23.06%	
VCG	26.20	TĂNG	TĂNG	27.00	25.73	-2.96%		19.20	24.08	36.46%	
VCS	84.10	TĂNG	TĂNG	81.10	79.49	3.70%		68.00	67.87	23.68%	
VGC	19.40	GIẢM	GIẢM		19.83				20.64		
VGT	9.20	GIẢM	GIẢM		9.88				11.26		
VHC	86.00	GIẢM	GIẢM		90.59				95.80		

We Create Fortune

VHM	83.50	GIẢM	GIẢM		90.75			90.20	87.75	-2.71%	MUA
VIB	19.10	TĂNG	TĂNG	17.00	18.24	12.35%		17.70	16.94	7.91%	
VIC	119.80	GIẢM	TĂNG		124.96			112.00	110.67	6.96%	
VIP	4.93	GIẢM	GIẢM		5.18				5.95		
VJC	130.10	GIẢM	TĂNG	123.30	130.56	5.89%	BÁN	124.50	124.10	4.50%	
VND	14.70	GIẢM	GIẢM		15.19				16.46		
VNG	19.10	GIẢM	GIẢM		19.89				21.56		
VNM	120.20	GIẢM	GIẢM		126.04				133.60		
VPB	18.80	GIẢM	GIẢM		19.05				19.82		
VPI	42.20	TĂNG	GIẢM	42.20	41.05	0.00%			42.86		
VRC	15.15	TĂNG	GIẢM	15.30	14.39	-0.98%			16.46		
VRE	34.85	GIẢM	TĂNG		37.37			35.00	33.61	-0.43%	
VSC	26.85	GIẢM	GIẢM		28.95				33.85		

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU LARGECAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
ACB	21.70	GIẢM	GIẢM		23.17				24.18		
BID	35.20	TĂNG	TĂNG	32.65	34.17	7.81%		33.40	31.60	5.39%	
BSR	10.00	GIẢM	GIẢM		11.27				12.90		
BVH	77.00	GIẢM	TĂNG		84.02			85.40	76.69	-9.84%	
CTG	20.20	GIẢM	GIẢM		21.12				22.80		
EIB	17.95	GIẢM	TĂNG		18.50			14.70	16.88	22.11%	
FPT	48.95	TĂNG	TĂNG	45.20	47.80	8.30%		41.00	45.47	19.40%	
GAS	102.00	GIẢM	GIẢM		109.60				113.06		
HDB	25.00	GIẢM	GIẢM		26.54				28.56		
HNG	18.25	GIẢM	TĂNG		18.31			17.10	16.59	6.73%	
HPG	21.75	GIẢM	GIẢM		23.10				23.96		
HVN	38.80	GIẢM	TĂNG		41.64			39.00	38.75	-0.51%	
KDH	22.50	TĂNG	GIẢM	22.90	21.97	-1.75%			23.94		
MBB	21.35	GIẢM	TĂNG		22.56			21.27	20.88	0.37%	
MSN	75.00	GIẢM	GIẢM		81.03				86.73		
MWG	110.00	TĂNG	TĂNG	110.00	109.96	0.00%	MUA	88.70	99.40	24.01%	
NVL	58.90	GIẢM	GIẢM		60.25				62.33		
OIL	11.00	GIẢM	GIẢM		11.52				12.65		
PLX	61.30	GIẢM	TĂNG		66.21			59.97	59.59	2.22%	
PNJ	83.80	TĂNG	TĂNG	77.00	77.44	8.83%		77.88	72.08	7.60%	

We Create Fortune

POW	13.45	GIẢM	GIẢM		14.53			15.70	13.92	-11.37%	
PVS	20.20	GIẢM	GIẢM		22.27			21.10	21.47	1.74%	
QNS	30.20	GIẢM	TĂNG		31.65			33.80	28.02	-10.65%	
REE	32.05	GIẢM	TĂNG		33.82			33.33	31.19	-3.83%	
ROS	28.50	TĂNG	TĂNG	28.50	28.30	0.00%	MUA	34.80	27.33	-18.10%	
SSI	21.65	GIẢM	GIẢM		23.62				26.85		
STB	10.45	GIẢM	GIẢM		10.95				12.32		
TCB	20.25	GIẢM	GIẢM		21.04				22.88		
TPB	22.50	GIẢM	GIẢM		22.88				N/A		
VCB	76.30	GIẢM	TĂNG		81.85			62.00	71.23	23.06%	
VCG	26.20	TĂNG	TĂNG	27.00	25.73	-2.96%		18.44	24.08	42.07%	
VEA	58.50	GIẢM	GIẢM		61.63				N/A		
VGI	36.50	TĂNG	GIẢM	29.50	31.29	23.73%			N/A		
VHM	83.50	GIẢM	GIẢM		90.75			90.20	87.75	-2.71%	MUA
VIB	19.10	TĂNG	TĂNG	17.00	18.24	12.35%		17.70	16.94	7.91%	
VIC	119.80	GIẢM	TĂNG		124.96			112.00	110.67	6.96%	
VJC	130.10	GIẢM	TĂNG	123.30	130.56	5.89%	BÁN	124.50	124.10	4.50%	
VNM	120.20	GIẢM	GIẢM		126.04				133.60		
VPB	18.80	GIẢM	GIẢM		19.05				19.82		
VRE	34.85	GIẢM	TĂNG		37.37			34.00	33.61	2.51%	

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU MIDCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	17.40	GIẢM	TĂNG		18.47			16.85	17.01	3.26%	
ANV	24.20	GIẢM	GIẢM		27.01				30.40		
ASM	6.34	GIẢM	GIẢM		6.42				7.60		
BMP	47.40	GIẢM	TĂNG		50.67			48.30	44.48	-1.86%	
BWE	25.65	GIẢM	TĂNG		27.20			19.44	25.45	31.94%	
C4G	8.20	TĂNG	GIẢM	8.70	8.18	-5.75%		-	10.05		
CEO	10.10	GIẢM	GIẢM		10.76				11.33		
CII	21.50	GIẢM	GIẢM		22.37				23.79		
CRE	24.80	GIẢM	GIẢM	25.55	24.88	-2.64%	BÁN	-	26.06		
CTI	23.10	GIẢM	GIẢM		23.32				24.73		
CTR	55.00	TĂNG	#N/A	28.80	49.24	90.97%		-	#N/A		
DCM	8.06	GIẢM	GIẢM		8.34				8.53		
DHC	34.90	TĂNG	TĂNG	36.00	34.32	-3.06%		35.20	33.00	-0.85%	

We Create Fortune

DIG	12.55	GIẢM	GIẢM		13.76				14.54		
DPM	13.65	GIẢM	GIẢM		14.41				16.72		
DRC	19.20	GIẢM	GIẢM		19.94				20.88		
DXG	16.05	GIẢM	GIẢM		18.22				20.75		
E1VFN30	14.30	GIẢM	GIẢM	14.59	14.49	-0.69%	BÁN		15.16		
FCN	13.05	GIẢM	GIẢM		13.80			16.05	13.18	-17.87%	
FLC	3.81	GIẢM	GIẢM		4.11				4.57		
FTM	24.00	GIẢM	TĂNG		24.60			16.25	22.18	47.69%	
GEG	26.30	TĂNG	TĂNG	22.80	24.69	15.35%		12.90	21.68	103.88%	
GEX	23.00	TĂNG	GIẢM	22.20	22.19	3.60%			23.15		
GMD	26.55	TĂNG	GIẢM	26.55	26.51	0.00%	MUA		27.99		
GTN	19.00	TĂNG	TĂNG	18.80	18.00	1.06%		15.00	16.37	26.67%	
GVR	16.80	TĂNG	#N/A	13.50	14.59	24.44%		-	#N/A		
HAG	5.02	GIẢM	GIẢM		5.14				5.62		
HBC	13.80	TĂNG	GIẢM	14.25	13.21	-3.16%			16.53		
HCM	20.00	GIẢM	GIẢM		21.82				25.61		
HDG	36.60	TĂNG	TĂNG	32.70	35.12	11.93%		35.30	31.88	3.68%	
HPX	26.50	TĂNG	#N/A	26.60	25.96	-0.38%		-	#N/A		
HSG	6.92	GIẢM	GIẢM		7.45			8.45	7.01	-17.01%	
HT1	15.10	GIẢM	GIẢM		16.15			14.80	15.47	4.49%	
IBC	21.30	TĂNG	TĂNG	20.90	21.18	1.91%		24.90	20.15	-14.46%	
IDI	6.38	GIẢM	GIẢM		6.64				8.16		
IJC	13.95	TĂNG	TĂNG	11.35	12.39	22.91%		13.10	11.50	6.49%	MUA
ITA	3.39	TĂNG	TĂNG	3.17	3.03	6.94%		3.20	2.83	5.94%	
KBC	16.00	TĂNG	TĂNG	16.00	15.32	0.00%	MUA	15.35	14.17	4.23%	
KSB	23.70	TĂNG	GIẢM	22.95	22.45	3.27%			24.84		
LDG	7.90	TĂNG	GIẢM	8.18	7.63	-3.42%			9.54		
LPB	7.90	GIẢM	GIẢM		8.42				8.51		
MBS	15.20	GIẢM	TĂNG	16.10	15.37	-4.51%	BÁN	16.00	13.39	-5.00%	
MPC	37.00	TĂNG	GIẢM	35.70	34.99	3.64%			40.20		
NBB	21.25	GIẢM	TĂNG		22.58			21.50	19.30	-1.16%	
NKG	6.11	GIẢM	GIẢM		6.31				7.00		
NLG	30.40	TĂNG	TĂNG	29.90	29.85	1.67%		28.70	27.83	5.92%	
NT2	24.45	GIẢM	GIẢM		25.65				27.88		
NTC	191.60	TĂNG	TĂNG	144.00	185.33	33.06%		120.00	154.70	59.67%	
NTL	25.80	TĂNG	TĂNG	22.95	24.71	12.42%		9.33	22.13	176.49%	
NVB	7.70	GIẢM	GIẢM		8.02				9.00		
OGC	3.91	GIẢM	GIẢM		4.06				4.66		

We Create Fortune

PC1	16.20	GIẢM	GIẢM		17.45			19.79			
PDR	26.50	TĂNG	TĂNG	24.10	26.44	9.96%		23.60	24.63	12.31%	
PHR	75.30	TĂNG	TĂNG	61.20	69.86	23.04%		22.86	59.28	229.33%	
PPC	24.80	GIẢM	GIẢM		26.80			31.62			
PTB	68.00	GIẢM	TĂNG		68.09			60.78	64.57	11.88%	
PVD	15.50	GIẢM	GIẢM		16.91			18.50	16.14	-12.73%	
PVI	36.30	GIẢM	GIẢM		37.35			39.70			
PVT	17.45	TĂNG	GIẢM	17.45	17.31	0.00%		18.30	17.62	-3.74%	MUA
QCG	4.45	TĂNG	GIẢM	4.62	4.35	-3.68%		5.32			
SAM	8.00	GIẢM	TĂNG		8.28			7.40	7.69	8.11%	
SBT	16.55	TĂNG	GIẢM	16.75	16.12	-1.19%		17.67			
SCR	6.70	GIẢM	GIẢM		7.02			7.54			
SHB	6.40	GIẢM	GIẢM		6.85			7.42			
SHS	8.40	GIẢM	GIẢM		9.05			10.55	9.22	-12.64%	BÁN
SJS	17.10	GIẢM	GIẢM		17.86			19.93			
STK	21.15	GIẢM	TĂNG		23.24			17.00	21.12	24.41%	
SZC	26.45	TĂNG	#N/A	20.45	23.14	29.34%		-	#N/A		
TCH	21.95	TĂNG	GIẢM	22.05	21.41	-0.45%		22.45			
TCM	25.90	TĂNG	GIẢM	26.30	25.15	-1.52%		29.84			
TNG	19.00	GIẢM	TĂNG		20.14			12.00	18.79	58.33%	
TTB	24.45	TĂNG	TĂNG	22.60	24.09	8.19%		24.50	24.16	-0.20%	MUA
VCI	32.70	TĂNG	GIẢM	32.30	32.11	1.24%		35.72			
VGT	9.20	GIẢM	GIẢM		9.88			11.26			
VHC	86.00	GIẢM	GIẢM		90.59			95.80			
VND	14.70	GIẢM	GIẢM		15.19			16.46			
VNG	19.10	GIẢM	GIẢM		19.89			21.56			
VPI	42.20	TĂNG	GIẢM	42.20	41.05	0.00%		42.86			

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU SMALLCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAV	11.30	TĂNG	#N/A	9.40	10.00	20.21%		16.85	#N/A	#N/A	
AGR	4.10	GIẢM	TĂNG		4.36			3.99	3.71	2.76%	
AMD	1.63	GIẢM	GIẢM		1.76			2.08			
APG	9.00	TĂNG	TĂNG	8.50	8.97	5.88%		9.90	7.90	-9.09%	
ART	2.20	GIẢM	GIẢM		2.48			2.95			
BCC	7.80	GIẢM	TĂNG		8.50			7.70	7.70	1.30%	



We Create Fortune

BCG	6.26	TĂNG	TĂNG	5.82	5.70	7.56%		6.39	5.41	-2.03%	
C69	22.10	TĂNG	TĂNG	8.80	18.53	151.14%		5.30	15.89	316.98%	
CCL	7.85	TĂNG	TĂNG	6.38	6.44	23.04%		3.46	5.40	126.88%	
CRC	17.50	TĂNG	TĂNG	15.05	15.86	16.28%			17.35		
CVT	19.10	GIẢM	TĂNG		20.21			20.35	18.32	-6.14%	
DAG	6.83	TĂNG	TĂNG	6.55	6.71	4.27%		7.09	5.92	-3.67%	MUA
DAH	12.85	GIẢM	TĂNG		13.96			4.66	11.21	175.51%	
DGW	21.70	GIẢM	TĂNG		23.34			23.50	21.23	-7.66%	
DLG	1.44	GIẢM	GIẢM		1.56				1.65		
DRH	7.14	TĂNG	GIẢM	7.20	6.82	-0.83%			7.76		
DTD	17.40	TĂNG	TĂNG	15.90	13.56	9.43%		12.90	12.45	34.88%	
EVG	2.73	GIẢM	GIẢM		2.94				3.02		
FIT	3.38	GIẢM	TĂNG		3.54			3.64	3.03	-7.14%	
GKM	14.70	GIẢM	GIẢM		15.16			11.42	14.95	30.87%	
HAH	13.55	TĂNG	TĂNG	12.80	12.96	5.86%		13.00	11.93	4.23%	
HAI	1.72	GIẢM	GIẢM		1.86				1.93		
HAP	3.41	GIẢM	TĂNG		3.59			3.67	3.25	-7.08%	
HAR	3.14	GIẢM	GIẢM		3.48			3.71	4.36	17.51%	BÁN
HCD	3.63	GIẢM	GIẢM		3.94				4.34		
HDA	12.50	TĂNG	TĂNG	10.50	12.02	19.05%		11.30	10.57	10.62%	
HDC	17.40	TĂNG	TĂNG	15.25	15.74	14.10%		15.25	13.82	14.10%	
HHP	13.00	GIẢM	GIẢM		14.15				15.86		
HHS	3.00	GIẢM	GIẢM		3.22				3.67		
HII	11.15	GIẢM	GIẢM	11.80	11.19	-5.15%	BÁN		12.54		
HQC	1.37	TĂNG	GIẢM	1.43	1.36	-4.20%			1.50		
HSL	8.10	TĂNG	GIẢM	8.10	7.50	0.00%			9.33		
HUT	2.20	GIẢM	GIẢM		2.50				3.07		
HVG	2.70	GIẢM	GIẢM		3.04				4.46		
HVH	26.30	GIẢM	#N/A		26.68				#N/A		
JVC	2.65	GIẢM	GIẢM		2.81				3.22		
KLF	1.30	GIẢM	GIẢM		1.52				1.73		
KMR	2.83	GIẢM	TĂNG		2.92			3.68	2.65	-23.10%	
LCG	9.76	GIẢM	GIẢM		10.39				11.44		
LGL	9.98	GIẢM	TĂNG		10.43			7.11	8.90	40.30%	
LHG	19.10	TĂNG	TĂNG	18.70	17.58	2.14%		19.30	17.32	-1.04%	
LMH	16.65	GIẢM	#N/A		17.44			-	#N/A		
MST	2.40	GIẢM	GIẢM		2.69				3.44		
NDN	18.30	TĂNG	TĂNG	14.10	16.67	29.79%		13.10	14.96	39.65%	
PHC	12.50	GIẢM	GIẢM		12.92				13.87		

We Create Fortune

PVB	21.40	TĂNG	TĂNG	20.20	20.11	5.94%		20.10	17.72	6.47%	
PVC	7.40	GIẢM	TĂNG		7.95			7.10	6.67	4.23%	
PXL	5.30	GIẢM	GIẢM		5.72				7.13		
PXS	6.00	TĂNG	TĂNG	5.70	5.61	5.26%		4.85	4.61	23.71%	
QBS	2.92	GIẢM	GIẢM		3.08				3.36		
SFG	8.77	GIẢM	GIẢM		9.71				13.19		
SHI	8.75	TĂNG	TĂNG	8.39	8.03	4.29%		6.23	7.47	40.39%	
SJF	2.89	GIẢM	GIẢM		3.31				3.88		
SKG	11.50	GIẢM	GIẢM		11.79				12.61		
TDH	9.04	GIẢM	GIẢM		9.51			11.65	9.17	-21.29%	
TIG	3.10	GIẢM	TĂNG		3.46			3.20	3.03	-3.13%	
TLD	5.20	GIẢM	GIẢM		5.50				6.07		
TLH	4.60	TĂNG	GIẢM	4.70	4.49	-2.13%		5.85	4.80	-18.00%	
TNI	10.30	GIẢM	GIẢM	11.10	10.66	-4.01%	BÁN		11.98		
TTF	2.90	GIẢM	GIẢM		3.18			3.99	3.03	-24.11%	
TTH	3.60	GIẢM	GIẢM		3.92				4.48		
TVB	21.00	TĂNG	TĂNG	17.40	19.50	20.69%		20.10	16.46	4.48%	MUA
TVC	14.80	TĂNG	TĂNG	12.50	13.89	18.40%		14.30	12.38	3.50%	MUA
VC3	22.70	GIẢM	TĂNG		23.16			22.00	21.35	3.18%	
VCR	17.20	GIẢM	GIẢM		20.49				26.40		
VNE	2.93	GIẢM	GIẢM		3.34				4.39		
VPG	20.80	GIẢM	TĂNG		21.21			20.46	19.34	1.68%	
VRC	15.15	TĂNG	GIẢM	15.40	14.39	-1.62%			16.46		
YBM	10.05	GIẢM	GIẢM		11.40				12.01		

We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Chg%
VNI	964.61	-0.88%
VN30	866.13	-0.72%
VN Mid	950.15	-0.81%
VN Small	814.93	-0.28%

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)

	Điểm	Chg%
HNI	101.89	-0.99%
HN30	188.18	-1.30%
VNX AllSh	844.14	-0.70%

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)

	Điểm	Chg%
UPCoM	58.31	-0.11%

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	1294.85	
Bán	1537.88	
GT ròng	-243.03	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	8.69	
Bán	35.42	
GT ròng	-26.74	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	88.74	
Bán	107.66	
GT ròng	-18.92	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
ITA	220	6.94%
TDC	610	6.90%
VCF	12700	6.73%
KBC	1000	6.67%
D2D	4700	5.41%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
VCR	1500	9.55%
L14	2200	3.56%
NDN	600	3.39%
BAX	2000	2.63%
IDV	900	2.15%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
SNZ	4200	14.89%
SAS	5700	14.77%
LLM	2700	13.43%
HTM	1500	12.00%
IDC	1500	7.04%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
YEG	-3900	-6.93%
ACL	-2300	-6.71%
ANV	-1600	-6.20%
STK	-1250	-5.58%
DXG	-900	-5.31%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
PVS	-1100	-5.16%
TNG	-400	-2.06%
DGC	-600	-1.91%
VCG	-500	-1.87%
VCS	-1400	-1.64%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
HNF	-8700	-14.85%
BSR	-400	-3.85%
CTR	-2200	-3.85%
NTC	-4800	-2.44%
MCH	-1500	-1.62%

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG > 1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	394,820	
VCB	287,067	
VHM	285,379	
VNM	212,448	
GAS	199,051	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACB	35,669	
VCS	13,406	
VCG	11,794	
PVS	10,181	
PVI	8,435	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	182,642	
VGI	106,996	
VEA	77,583	
GVR	63,744	
MCH	56,701	

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
ROS	19,906,510	14,423,584
ITA	14,472,640	2,051,493
CTD	7,941,920	242,428
KBC	6,426,110	2,766,649
FLC	6,323,170	4,071,098

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
PVS	6,852,424	3,197,674
SHB	6,384,215	4,591,230
VCG	2,412,820	884,050
VCR	2,008,066	408,541
ACB	1,820,835	1,774,277

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
GVR	3,361,560	1,781,929
VGI	2,662,360	1,001,985
BSR	2,649,312	1,396,548
HNF	2,540,809	719
GSM	1,590,100	61,376

Nguồn: Bloomberg & YSVN

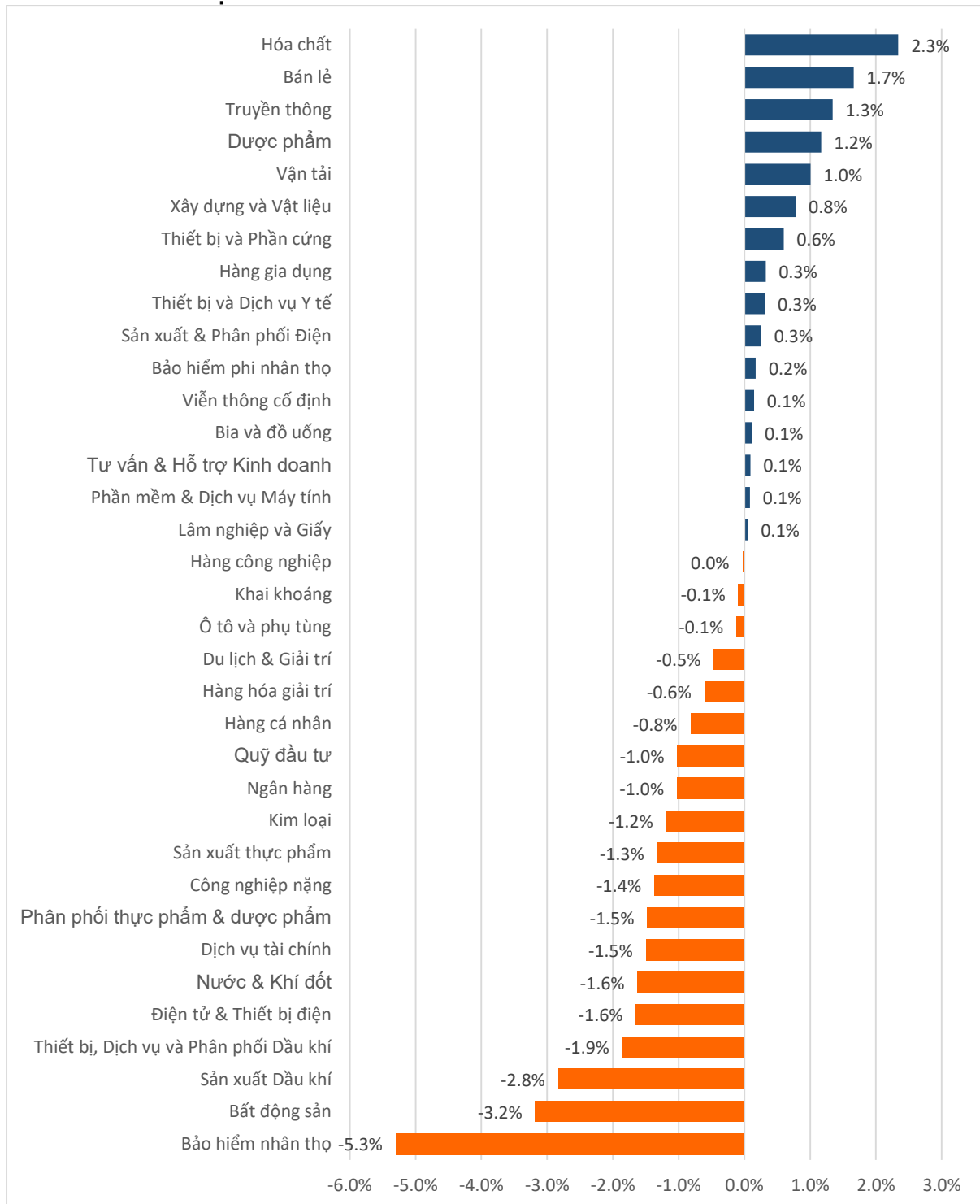
Nguồn: Bloomberg & YSVN

Nguồn: Bloomberg & YSVN



We Create **Fortune**

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CÁC NHÓM NGÀNH



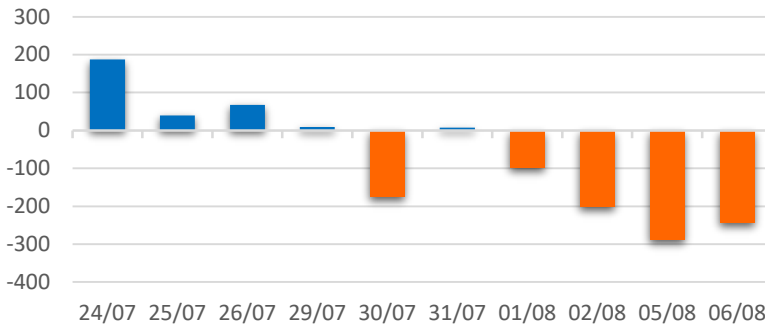
Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create **Fortune**

THÔNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

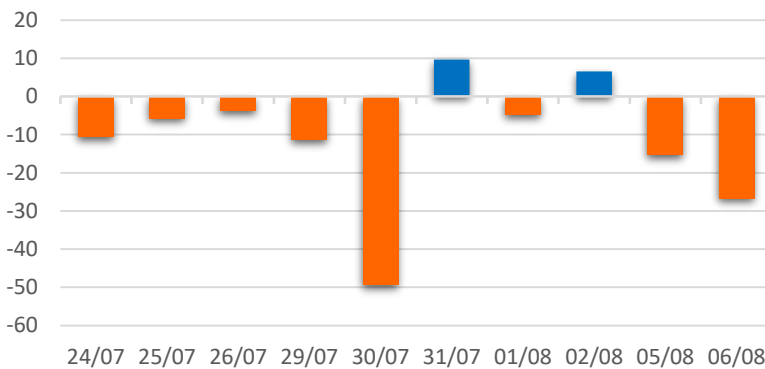
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
TDM	34,129	HPG	59,570
BID	17,438	MSN	46,486
VIC	7,732	VJC	40,717
PVD	4,948	E1VFN30	35,911
GEX	4,611	VHM	35,492

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

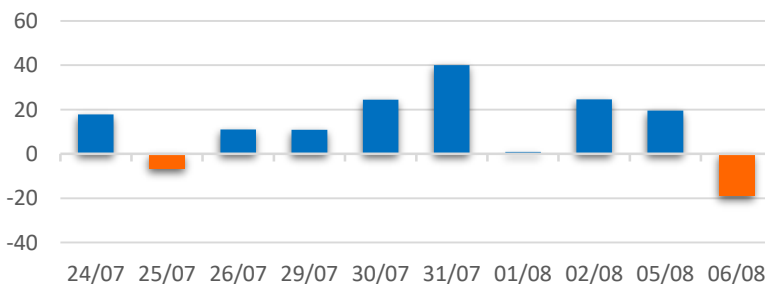
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
PVI	403	PVS	26,601
DGC	311	VCS	549
LAS	181	SHB	469
CEO	142	INN	428
HDA	137	AMV	310

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại
UPCOM



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
QNS	6,274	BCM	11,510
BSR	2,110	VTP	6,440
ACV	1,902	CTR	4,912
HND	1,447	VGI	3,839
GEG	1,430	WSB	2,252

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM

Nguồn: FiinPro – YSVN



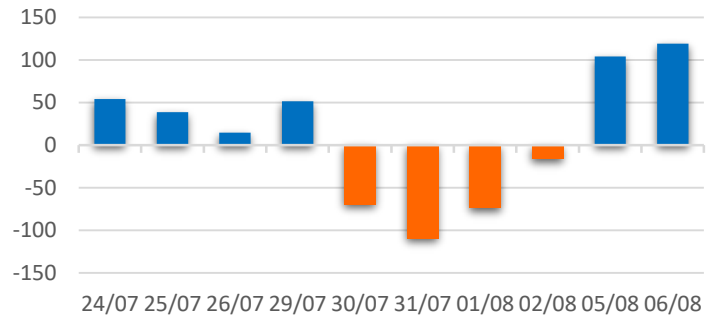
We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

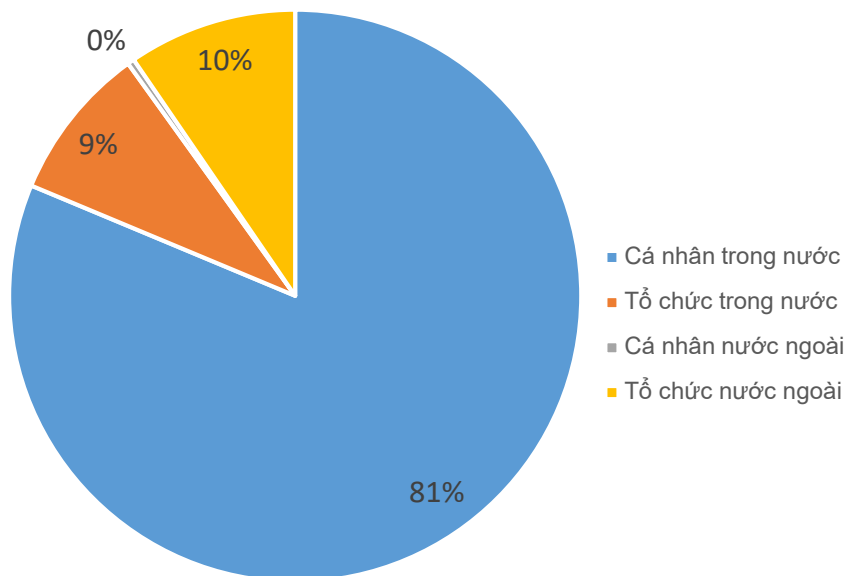
Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
E1VFN30	37,217	MWG	4,562
PLX	26,467	HDG	3,212
HPG	9,897	MBB	2,588
PNJ	8,441	VHM	2,081
CTG	7,847	TIP	1,206

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)



CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

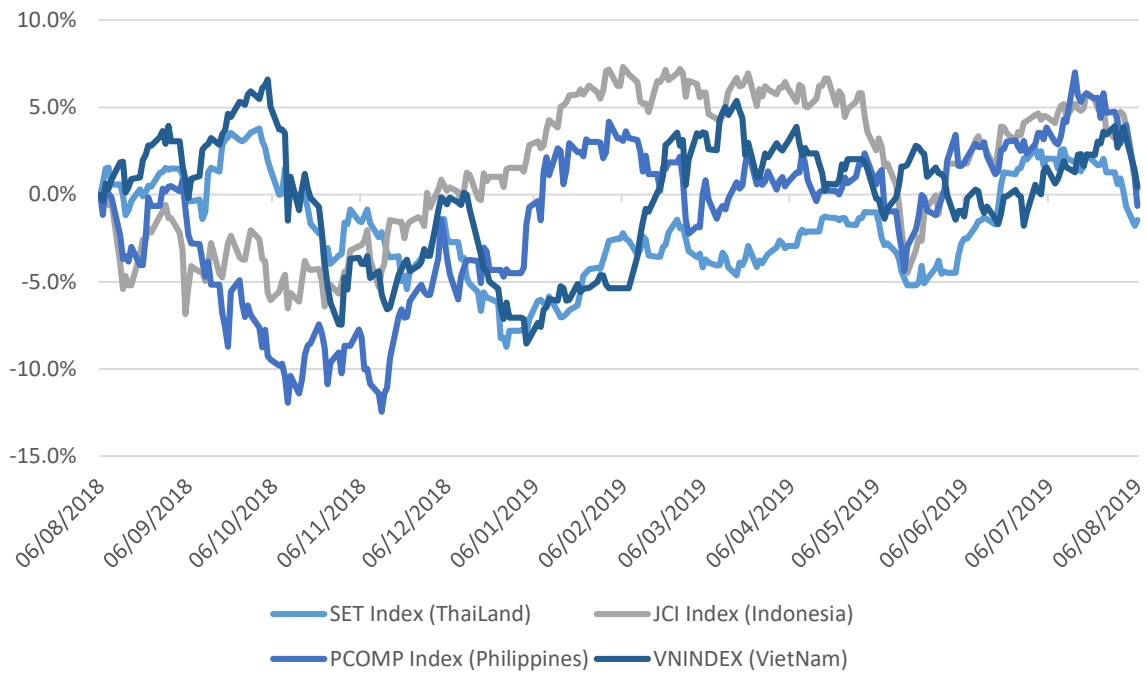


Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create Fortune

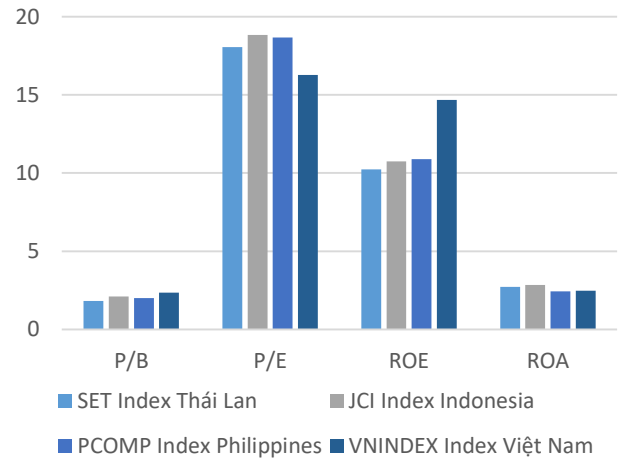
Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		1.8x	2.1x	2.0x	2.4x
P/E		18.0x	18.8x	18.7x	16.3x
ROE	%	10.23	10.74	10.89	14.67
ROA	%	2.71	2.84	2.44	2.47
Vốn hóa	Tỷ USD	556.17	497.72	190.66	141.25
GTGD	Triệu USD	1.28	0.53	0.09	0.14
LS cổ tức	%	3.09	2.53	1.70	1.77

Nguồn: Bloomberg & YSVN





We Create **Fortune**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuanta.com.vn

Quách Đức Khánh

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuanta.com.vn

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuanta.com.vn

Phạm Tấn Phát

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3832

phat.pham@yuanta.com.vn

Đặng Phi Phôn

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3893

phon.dang@yuanta.com.vn

Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

Nguyễn Thanh Tùng

Giám đốc Môi giới Hội Sở

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuanta.com.vn

Chung Kim Hoa

Giám đốc Khối khách hàng người Hoa

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuanta.com.vn

Phù Vĩnh Qué

Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn

+84 28 3622 6868

que.phu@yuanta.com.vn

Nguyễn Việt Quang

Giám đốc chi nhánh Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuanta.com.vn

Võ Thị Thu Thủy

Giám đốc chi nhánh Bình Dương

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuanta.com.vn

Bùi Quốc Phong

Giám đốc chi nhánh Đồng Nai

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuanta.com.vn

Nguyễn Đức Hoàn

**Giám đốc trung tâm kinh doanh
Nam Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuanta.com.vn

Võ Đình Tuấn

Giám đốc Chi Nhánh Đà Nẵng

+84 28 3622 6868 ext 3301

tuan.vo@yuanta.com.vn



We Create **Fortune**

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written